

Bản án số: 205 /2017/HSST
Ngày: 19-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Trường.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thế Toại.

Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Huế (Số 60 đường Nguyễn H, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 181/2017/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2017; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2017/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2017 đối với:

- *Bị cáo:* Nguyễn Thị Thu T, giới tính: Nữ, sinh năm 1980 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT: Số 33/65/93 đường Đặng Huy T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: Số 55/69 kiệt 131 đường Trần P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Không có; con ông Nguyễn Viết X, sinh năm 1951 và bà Lê Thị B, sinh năm 1950; chung sống không đăng ký kết hôn với Lê D, sinh năm 1987; có hai người con, sinh năm 2009 và 2013; tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 07-5-2017, chuyển tạm giam từ ngày 09-5-2017 đến nay; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê T1, sinh năm 1976, địa chỉ: 01/83/93 đường Đặng Huy T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Hiện đang bị tạm giam trong một vụ án khác); có mặt.

2. Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 01/10/42 đường Đào T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 80/93 đường Đặng Huy T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05-5-2017, tại Kiệt 93 đường Đặng Huy T, phường P, thành phố H, Nguyễn Thị Thu T mua của Lê T1 05 gói ma túy với giá 1.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền nhằm mục đích bán lại.

Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 07-5-2017, tại phòng trọ của Nguyễn Thị Thu T ở số nhà 55/69 kiệt 131 đường Trần P, phường P, thành phố H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế phát hiện bắt quả tang T đang có hành vi tàng trữ 03 gói ma túy nhằm mục đích để bán.

Tang vật thu giữ của Nguyễn Thị Thu T 03 (ba) gói nilon màu đen, bên trong mỗi gói có chứa chất bột khô màu trắng, sau khi thu giữ được niêm phong bằng giấy trắng và băng keo trong, bên ngoài có 02 chữ ký ghi họ tên Nguyễn Thị Thu T và 02 chữ ký ghi họ tên Dương Quang Q; 390.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

Tại Kết luận giám định số: 151/GĐ ngày 09-5-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: Mẫu chất bột khô trong gói niêm phong là Heroine, có trọng lượng 0,2051 g (không phải hai không năm một gam).

Heroine là chất ma túy nằm trong danh mục I, STT 20, Nghị định số: 82/2013/NĐ-CP ngày 19-7-2013 của Chính phủ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thu T còn khai ngoài 03 gói ma túy chưa bán thì bị phát hiện bắt giữ, trước đó vào khoảng 09 giờ ngày 07-5-2017, tại đường Đào T, thành phố H, T bán cho một nam thanh niên không xác định được lai lịch 01 gói ma túy với giá 390.000 đồng; đến khoảng 11 giờ cùng ngày, tại số nhà 55/69 kiệt 131 đường Trần P, thành phố H, T tiếp tục bán cho một người tên K (chưa xác định chính xác lai lịch) 01 gói ma túy với giá 390.000 đồng nhưng chưa lấy tiền. Do chưa xác minh được lai lịch các đối tượng mua ma túy mà T khai nên chưa đủ căn cứ xử lý T về các hành vi này.

Bản cáo trạng số: 195/QĐ-KSĐT ngày 21-8-2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố Nguyễn Thị Thu T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 gói Heroine đã niêm phong sau khi giám định, tịch thu sung quỹ Nhà nước số

tiền 390.000 đồng, trả lại cho Nguyễn Thị Thu T 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Lúc 12 giờ 30 phút ngày 07-5-2017, Cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại phòng trọ của Nguyễn Thị Thu T ở số nhà 55/69 kiệt 131 đường Trần P, phường P, thành phố H 03 gói ma túy của T mua của người khác về để bán; qua giám định là Heroine, trọng lượng 0,2051 g (Không phải hai không năm một gam). Như vậy, hành vi của T mua 03 gói Heroine có trọng lượng 0,2051 g về tàng trữ nhằm mục đích bán đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức sự nguy hiểm của ma túy. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng với ý thức coi thường pháp luật, hám lợi đã mua ma túy về bán nhằm thu lợi bất chính, xâm phạm chế độ thống nhất quản lý chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an.

Về tăng nặng: Bị cáo không phạm vào tính tiết tăng nặng.

Về giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm ma túy trên địa bàn như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với 03 (ba) gói Heroine thu giữ sau khi giám định đã niêm phong thành 01 gói, cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 390.000 đồng thu giữ của bị cáo là do mua bán trái phép chất ma túy có được, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen thu giữ của bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T: 02 (Hai) năm tù; thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 07-5-2017.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999,

Tịch thu tiêu hủy 01 gói Heroine đã niêm phong.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 390.000 đồng (Ba trăm chín mươi nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Thị Thu T.

Trả lại cho Nguyễn Thị Thu T 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21-8-2017 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CA thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Trường